TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2023/QĐST - DS	*Trà Cú, ngày 22 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1938; địa chỉ ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (chết).

- *Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N gồm:*

1/ Ông Võ Hữu D, sinh năm 1962; địa chỉ ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông Võ Hùng C, sinh năm 1970; địa chỉ ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà Võ Thị Ph, sinh năm 1972; địa chỉ ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4/ Bà Võ Thị Th, sinh năm 1968; địa chỉ Số 132/25 đường Đoàn Văn B, Phường M, Quận B, Tp Hồ Chí Minh.

5/ Bà Võ Thị D, sinh năm 1975; địa chỉ Khóm M, phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

6/ Bà Võ Thị Ch, sinh năm 1977; địa chỉ Khóm S, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

7/ Anh Hồng Thanh T, sinh năm 1988 (con bà Võ Thị L); địa chỉ Số 972/9 đường Quang T, Phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Chị Hồng Thị Thanh T, sinh năm 1992 (con bà Võ Thị L); địa chỉ Số 972/9 đường Quang T, Phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hữu Ng, sinh năm 1966; địa chỉ ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1/ Ông Võ Hữu D, sinh năm 1962; địa chỉ ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông Võ Hùng C, sinh năm 1970; địa chỉ ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà Võ Thị Ph, sinh năm 1972; địa chỉ ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4/ Bà Võ Thị Th, sinh năm 1968; địa chỉ Số 132/25 đường Đoàn Văn B, Phường M, Quận B, Tp Hồ Chí Minh.

5/ Bà Võ Thị D, sinh năm 1975; địa chỉ Khóm M, phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

6/ Bà Võ Thị Ch, sinh năm 1977; địa chỉ Khóm S, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

7/ Ông Hồng Văn T, sinh năm 1963 (chồng bà Võ Thị L); địa chỉ Số 972/9 đường Quang T, Phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Hồng Văn T ủy quyền cho chị Hồng Thị Thanh T tham gia tố tụng)

8/ Anh Hồng Thanh T, sinh năm 1988 (con bà Võ Thị L); địa chỉ Số 972/9 đường Quang T, Phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

(anh Hồng Thành T ủy quyền cho chị Hồng Thị Thanh T tham gia tố tụng)

9/ Chị Hồng Thị Thanh T, sinh năm 1992 (con bà Võ Thị L); địa chỉ Số 972/9 đường Quang T, Phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N gồm: Ông Võ Hữu D, bà Võ Thị Th, ông Võ Hùng C, bà Võ Thị Ph, bà Võ Thị D, bà Võ Thị Ch, anh Hồng Thanh T, chị Hồng Thị Thanh T và bị đơn ông Võ Hữu Ng thống nhất phân chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Kh và bà Nguyễn Thị N là quyền sử dụng đất diện tích 11.695,6m^2, thuộc thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh do ông Võ Văn Kh đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của ông Võ Văn Kh và bà Nguyễn Thị N như sau (có sơ đồ kèm theo):

- Chia cho ông Võ Hùng C phần đất diện tích 1.450,3m^2 thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (phần 1 trong sơ đồ).

Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 2 trong sơ đồ) kích thước 110,50 mét;

+ Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 372 và thửa 370 kích thước 111,50 mét;

+ Phía Nam giáp bờ Kênh, kích thước 12,70 mét;

+ Phía Bắc giáp thửa 373, kích thước 13,30 mét.

- Chia cho ông Võ Hữu D phần đất diện tích 1.419m^2 thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú,

tỉnh Trà Vinh (phần 2 trong sơ đồ).

Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 3 trong sơ đồ) kích thước 109,50 mét;

+ Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 1 trong sơ đồ) kích thước 110,50 mét;

+ Phía Nam giáp bờ Kênh, kích thước 12,70 mét;

+ Phía Bắc giáp thửa 373, kích thước 13,30 mét.

- Chia cho ông Võ Hữu Ng phần đất diện tích 1.404,9m^2 thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (phần 3 trong sơ đồ).

Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 4 trong sơ đồ) kích thước 108,50 mét;

+ Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 2 trong sơ đồ) kích thước 109,50 mét;

+ Phía Nam giáp bờ Kênh, kích thước 12,70 mét;

+ Phía Bắc giáp thửa 373, kích thước 13,30 mét.

- Chia cho bà Võ Thị Ph phần đất diện tích 1.390,7m^2 thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (phần 4 trong sơ đồ).

Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 5 trong sơ đồ) kích thước 107,50 mét;

+ Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 3 trong sơ đồ) kích thước 108,50 mét;

+ Phía Nam giáp bờ Kênh, kích thước 12,70 mét;

+ Phía Bắc giáp thửa 373, kích thước 13,30 mét.

- Chia cho bà Võ Thị Th phần đất diện tích 1.376,5m^2 thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (phần 5 trong sơ đồ).

Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 6 trong sơ đồ) kích thước 106,50 mét;

+ Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 4 trong sơ đồ) kích thước 107,50 mét;

+ Phía Nam giáp bờ Kênh, kích thước 12,70 mét;

+ Phía Bắc giáp thửa 373, kích thước 13,30 mét.

- Chia cho bà Võ Thị D phần đất diện tích 1.362,4m^2 thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (phần 6 trong sơ đồ).

Phần đất có tứ cận như sau (phần 6 trong sơ đồ):

+ Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 7 trong sơ đồ) kích thước 105,50 mét;

+ Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 5 trong sơ đồ) kích thước 106,50 mét;

+ Phía Nam giáp bờ Kênh, kích thước 12,70 mét;

+ Phía Bắc giáp thửa 373, kích thước 13,30 mét.

- Chia cho chị Hồng Thị Thanh T, anh Hồng Thành T và ông Hồng Văn T phần đất diện tích 1.348,8m^2 thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (phần 7 trong sơ đồ).

Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 8 trong sơ đồ) kích thước 104,60 mét;

+ Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 6 trong sơ đồ) kích thước 105,50 mét;

+ Phía Nam giáp bờ Kênh, kích thước 12,70 mét;

+ Phía Bắc giáp thửa 373, kích thước 13,30 mét.

- Chia cho bà Võ Thị Ch phần đất diện tích 1.338,3m^2 thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (phần 8 trong sơ đồ).

Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 9 trong sơ đồ) kích thước 103,60 mét;

+ Phía Tây giáp phần còn lại của thửa 372 (phần 7 trong sơ đồ) kích thước 104,60 mét;

+ Phía Nam giáp bờ Kênh, kích thước 12,70 mét;

+ Phía Bắc giáp thửa 373, kích thước 13,30 mét.

Đối với phần diện tích còn lại 604,7m^2 thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 5, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp An Tân, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (phần 9 trong sơ đồ) thì các đồng thừa kế của ông Võ Văn Kh và bà Nguyễn Thị N thống nhất để lại làm đường nước chung, không tiến hành phân chia.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà các đương sự được hưởng cụ thể;

+ Ông Võ Hùng C phải chịu (1.450,3m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 5%) 2.900.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Võ Hùng C đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009790 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Còn lại số tiền 2.600.600 đồng thì ông Võ Hùng C phải nộp tiếp.

+ Ông Võ Hữu D phải chịu (1.419m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 5%) 2.838.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông Võ Hữu D là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ

khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Ông Võ Hữu Ng phải chịu (1.404,9m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 5%) 2.809.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Võ Thị Ph phải chịu (1.390,7m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 50%) 2.781.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Thị Ph đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009785 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Còn lại số tiền 2.481.400 đồng thì bà Võ Thị Ph phải nộp tiếp.

+ Bà Võ Thị Th phải chịu (1.376,5m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 5%) 2.753.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Thị Th đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009788 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Còn lại số tiền 2.453.000 đồng thì bà Võ Thị Th phải nộp tiếp.

+ Bà Võ Thị D phải chịu (1.362,4m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 5%) 2.724.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Thị D đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009787 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Còn lại số tiền 2.424.800 đồng thì bà Võ Thị D phải nộp tiếp.

+ Chị Hồng Thị Thanh T, anh Hồng Thành T và ông Hồng Văn T phải chịu (1.348,8m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 5%) 2.697.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hồng Thị Thanh T, anh Hồng Thành T và ông Hồng Văn T đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009789 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Còn lại số tiền 2.369.600 đồng thì chị Hồng Thị Thanh T, anh Hồng Thành T và ông Hồng Văn T phải nộp tiếp.

+ Bà Võ Thị Ch phải chịu (1.338,3m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 5%) 2.676.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Thị Ch đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009786 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Còn lại số tiền 2.376.600 đồng thì bà Võ Thị Ch phải nộp tiếp.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và chi phí định giá tài sản bằng 26.650.000 đồng thì ông Võ Hùng C, bà Võ Thị Th, bà Võ Thị Ph, bà Võ Thị D, bà Võ Thị Ch, ông Võ Hữu Ng, ông Võ Hữu D, chị Hồng Thị Thanh T, anh Hồng Thành T và ông Hồng Văn T tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thạch Thuône